

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24 /2021/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 01 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định khoán kinh phí sử dụng xe ô tô tại các cơ quan,
tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh Ninh Thuận**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Thực hiện Thông báo số 153-TB/TU ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kết luận về quy định khoán kinh phí sử dụng xe ô tô tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh;

Thực hiện Công văn số 68/HĐND-VP ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc có ý kiến về quy định khoán kinh phí sử dụng xe ô tô tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1071/TTr-STC ngày 27 tháng 5 năm 2021 và Báo cáo thẩm định số 1599/BC-STP ngày 25 tháng 8 năm 2020 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định khoán kinh phí sử dụng xe ô tô tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 6 năm 2021.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Giám đốc các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản);
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- TT. HĐND các huyện, thành phố;
- Kho bạc nhà nước tỉnh;
- Trung tâm CNTT và truyền thông;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐ, chuyên viên;
- Lưu: VT, KTTH._{NDT}

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Quốc Nam

QUY ĐỊNH

**Khoán kinh phí sử dụng xe ô tô tại các cơ quan,
tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh Ninh Thuận**
*(ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Thuận.

2. Những nội dung liên quan đến khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác không quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô (sau đây gọi là Nghị định số 04/2019/NĐ-CP); Thông tư số 24/2019/TT- BTC ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô (sau đây gọi là Thông tư số 24/2019/TT-BTC) và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

2. Doanh nghiệp do Nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi là doanh nghiệp nhà nước)

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện khoán

1. Việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phải đảm bảo đúng đối tượng, không phát sinh tăng chi phí hàng năm, không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện

các nhiệm vụ được giao.

2. Việc thực hiện khoán do các chức danh thuộc đối tượng quy định tự nguyện đăng ký nhận khoán.

3. Đơn giá khoán: phù hợp với đơn giá dịch vụ vận chuyển của phương tiện vận tải tương đương trên thị trường.

4. Nguồn kinh phí khoán được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước, nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

5. Trường hợp tất cả các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô tại cơ quan, tổ chức, đơn vị áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô cho các công đoạn thì không thực hiện trang bị xe ô tô; trường hợp đã trang bị xe ô tô thì phải sắp xếp lại, xử lý xe ô tô theo quy định.

6. Khi thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác, người nhận khoán được thanh toán các khoản khác theo chế độ quy định và Quy chế chi tiêu nội bộ cơ quan (ngoài tiền tàu, xe).

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Quy định chế độ khoán kinh phí sử dụng xe ô tô

1. Đối tượng thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô

a) Chức danh có hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo từ 0,7 đến dưới 1,25 thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị đủ điều kiện được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung khi đi công tác.

b) Chức danh là Giám đốc, Phó giám đốc và các chức danh tương đương tại doanh nghiệp nhà nước.

c) Trường hợp cần thiết do yêu cầu công tác cần bố trí xe ô tô cho các đối tượng không thuộc quy định tại điểm a, b khoản này đi công tác được Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước xem xét, quyết định.

d) Đối với các chức danh được sử dụng xe ô tô đưa đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại, đi công tác được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP tự nguyện nhận khoán kinh phí sử dụng xe ô tô và các đối tượng được quy định tại khoản 3 Điều 12, khoản 3 Điều 13 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô thì việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô được áp dụng theo Quy định này.

2. Công đoạn thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô

a) Đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại.

b) Đi công tác

3. Hình thức và mức khoán kinh phí

a) Hình thức khoán theo km thực tế đối với công đoạn đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại.

$$\begin{array}{cccc} \text{Mức khoán} & \text{Số km từ} & \text{Số ngày} & \text{Đơn giá} \\ \text{(đồng/tháng)} & \text{nơi ở} & \text{làm} & \text{khoán} \\ = & \text{đến cơ} & \text{việc thực} & \text{(đồng/km)} \\ & \text{quan} \times & \text{tế} \times & \\ & \text{và ngược} & \text{trong} & \\ & \text{lại} & \text{tháng} & \\ & \text{(km)} & \text{(ngày)} & \end{array}$$

Trong đó:

- Số km từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại là khoảng cách thực tế của lộ trình di chuyển ngắn nhất (mà xe ô tô kinh doanh vận tải loại 4 chỗ ngồi được phép lưu thông) từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại của chức danh nhận khoán;

- Số ngày làm việc thực tế trong tháng là số ngày chức danh nhận khoán thực tế làm việc tại cơ quan (bao gồm cả ngày làm thêm vào các ngày thứ 7, chủ nhật hoặc các ngày nghỉ lễ, nếu phát sinh).

- Đơn giá khoán (đồng/km): 12.000 đồng/km (đơn giá bình quân/km của các hãng taxi loại 4 chỗ ngồi phổ biến trên thị trường tại địa phương).

b) Hình thức khoán gọn đối với công đoạn đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại.

Hình thức khoán gọn được áp dụng đối với tất cả các chức danh hoặc áp dụng đối với từng chức danh. Mức khoán được xác định như sau:

$$\begin{array}{cccc} \text{Mức khoán} & \text{Số km bình quân} & \text{Số ngày đưa} & \text{Đơn giá} \\ \text{(đồng/tháng)} = & \text{từ nơi ở} \times & \text{đón bình} \times & \text{khoán} \\ & \text{đến cơ quan} & \text{quân hàng} & \text{(đồng/km)} \\ & \text{và ngược lại (km)} & \text{tháng (ngày)} & \end{array}$$

- Số km bình quân từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại được tính như sau:

+ Trường hợp áp dụng đối với tất cả các chức danh: Được tính theo tổng số km thực tế ngắn nhất từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại (mà xe ô tô kinh doanh vận tải loại 4 chỗ ngồi được phép lưu thông) của tất cả các chức danh nhận khoán chia tổng số chức danh thuộc đối tượng khoán;

+ Trường hợp áp dụng đối với từng chức danh: Được tính theo km thực tế ngắn nhất từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại (mà xe ô tô kinh doanh vận tải loại 4 chỗ ngồi được phép lưu thông) của từng chức danh nhận khoán.

- Số ngày đưa đón bình quân hàng tháng (ngày/tháng): 22 ngày theo quy định của Bộ luật Lao động.

- Đơn giá khoán (đồng/km): 12.000 đồng/km (đơn giá bình quân/km của các hãng taxi loại 4 chỗ ngồi phổ biến trên thị trường tại địa phương)

c) Mức khoán đối với đi công tác trong tỉnh và đi công tác ngoài tỉnh.

- Hình thức khoán theo km thực tế:

$$\begin{array}{ccc} \text{Mức khoán} & & \text{Đơn giá} \\ \text{(đồng/chuyến} & = & \text{Tổng số km thực} \\ \text{công tác)} & & \text{tế của từng chuyến} \\ & & \text{đi công tác (km)} \quad \times \quad \text{khóan} \\ & & & & \text{(đồng/km)} \end{array}$$

Trong đó:

+ Tổng số km thực tế của từng chuyến đi công tác được xác định trên cơ sở khoảng cách thực tế của lộ trình di chuyển ngắn nhất từ cơ quan đến các địa điểm công tác mà xe ô tô kinh doanh vận tải được phép lưu thông các đợt công tác của từng chức danh nhận khoán.

+ Đơn giá khoán (đồng/km): 10.000 đồng/km (đơn giá bình quân từ km 31 trở lên của các hãng taxi loại 4 chỗ ngồi phổ biến trên thị trường tại địa phương).

- Hình thức khoán gọn:

Được áp dụng đối với tất cả các chức danh hoặc áp dụng đối với từng chức danh. Chỉ áp dụng trong trường hợp đi công tác thường xuyên trong tháng (tổng số ngày đi công tác chiếm trên 50% tổng số ngày làm việc trong tháng theo quy định của Bộ luật Lao động) của các chức danh áp dụng khoán.

Mức khoán được xác định như sau:

$$\begin{array}{ccc} \text{Mức khoán} & & \text{Đơn giá} \\ \text{(đồng/tháng)} = & \text{Số km đi công tác} & \text{khóan} \\ & \text{bình quân} & \text{(đồng/km)} \\ & \text{hàng tháng (km)} & \quad \times \end{array}$$

Trong đó:

+ Số km đi công tác bình quân hàng tháng

Trường hợp áp dụng đối với tất cả các chức danh: Được xác định trên cơ sở tổng số km đi công tác thực tế của 12 tháng trong năm trước khi áp dụng khoán của tất cả các chức danh áp dụng khoán chia Tổng số chức danh áp dụng khoán chia 12 tháng.

Trường hợp áp dụng đối với từng chức danh: Được xác định trên cơ sở tổng số km đi công tác thực tế của 12 tháng trong năm trước khi áp dụng khoán của chức danh chia 12 tháng.

+ Đơn giá khoán (đồng/km): 10.000 đồng/km (đơn giá bình quân từ km 31 trở lên của các hãng taxi loại 4 chỗ ngồi phổ biến trên thị trường tại địa phương).

Trường hợp chức danh áp dụng hình thức khoán gọn thì không thực hiện khoán công tác phí thường xuyên hàng tháng theo chế độ khoán công tác phí quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị; Quyết định số 143/2017/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh và Quy chế chi tiêu nội bộ cơ quan.

Điều 5. Phân cấp thẩm quyền quyết định khoán

1. Phân cấp cho Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi có các chức danh công tác được hưởng chế độ khoán xe quyết định việc thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô tại cơ quan.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi có các chức danh tự nguyện nhận khoán thực hiện:

a) Xác định số km từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại, số ngày làm việc thực tế trong tháng của từng chức danh nhận khoán.

b) Xác định số km bình quân từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại, số ngày đưa đón bình quân hàng tháng của các chức danh có tiêu chuẩn đưa đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại.

c) Xác định tổng số km thực tế của từng lần đi công tác của từng chức danh áp dụng khoán.

d) Xác định số km đi công tác bình quân hàng tháng của chức danh áp dụng khoán.

đ) Quyết định hình thức khoán, các tuyến đi công tác thực hiện khoán, đơn giá khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo tình hình hoạt động, khả năng kinh phí của cơ quan, tổ chức, đơn vị nhưng không cao hơn đơn giá bình quân tại Quy định này hoặc do Sở Giao thông Vận tải thông báo.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô

1. Giao Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước chịu trách nhiệm tổ chức việc thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô của đơn vị

minh theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP, Thông tư số 24/2019/TT-BTC, quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Bổ sung nội dung khoản kinh phí sử dụng xe ô tô vào Quy chế chi tiêu nội bộ để thực hiện và thông báo công khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Giao Sở Giao thông Vận tải khi đơn giá bình quân/km của các hãng xe taxi (loại 4 chỗ ngồi) phổ biến trên thị trường tại địa phương tăng, giảm trên 10% so với đơn giá tại Quy định này, có văn bản thông báo để các cơ quan, tổ chức, đơn vị điều chỉnh đơn giá khoán cho phù hợp.

3. Giao Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước triển khai thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Quốc Nam